

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG**
- Ngày tháng năm sinh: 05/04/1978 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: xã Kỳ Trinh - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Xóm Phúc Lộc – Xã Hưng Lộc – Thành phố Vinh –
Tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ liên hệ : Nguyễn Thị Minh Phượng, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh, số
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Điện thoại di động: 0942.726.777;
E-mail:phuongntm@vinhuni.edu.vn/minhphuongn78@yahoo.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ năm 03/2002 đến năm 2020)
Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn
Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Vinh
Địa chỉ cơ quan: số 182 - Lê Duẩn - thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An
Điện thoại cơ quan: 02383.855.452

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2000, ngành: Kinh tế nông nghiệp, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, số hiệu bằng C0252162, số vào sổ 161.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) - Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 11 năm 2005, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, số bằng 00581, No.A017088.

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) - Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 08 năm 2013, ngành: Kinh tế phát triển, số hiệu 002403, số vào sổ cấp bằng 91.

Nơi cấp bằng TS: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Vinh.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Nghiên cứu và phân tích những vấn đề liên quan đến chính sách kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là chính sách về đất đai (đất nông nghiệp).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 17 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; 01 NCS (hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ;

- Đã chủ trì và tham gia hoàn thành: **07** đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Tỉnh, cấp Trường;

- Đã công bố (số lượng) **45** bài báo KH, trong đó **07** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín có chỉ số Scopus trở lên;

- Số lượng sách đã xuất bản **06** đầu sách và giáo trình tại Nhà xuất bản trong nước có chỉ số ISBN.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (nhiều năm); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo theo QĐ số 983/QĐ - BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2017;

16. Kỷ luật : **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân tự đánh giá đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo, cụ thể là:

- + Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- + Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;
- + Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- + Lý lịch bản thân rõ ràng;

- Bản thân cũng tự đánh giá thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể là:

- + Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
- + Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và Điều lệ nhà trường;
- + Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo;
- + Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học;
- + Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tổng số 18 năm tham gia đào tạo trình độ Đại học và 08 năm tham gia đào tạo trình độ Sau đại học

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014 - 2015			02		321	171	492
2	2015 - 2016			03	5	315,1	222,8	537,9
3	2016 - 2017	01		06		369,6	74,25	443,85
3 năm học cuối								
4	2017 - 2018	01	01	06		382,8	222,8	605,6
5	2018 - 2019		03	06		198	148,5	346,5
6	2019 - 2020	01		06		198	321	519

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
 (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Tiếng Anh số bằng: 24/51E1 - DHV, số hiệu 191302; năm cấp: 2012.

c) Đối tượng khác ;

(1) Chứng nhận tham gia khóa tập huấn chương trình về cân bằng tổng thể, lý thuyết trò chơi và tăng trưởng tối ưu từ 13 - 30/08/2003 tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

(2) Giấy chứng nhận tham gia khóa đào tạo giảng viên giảng dạy Kinh tế môi trường của tổ chức EEPSEA từ ngày 5 - 24/08/2007 tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 châu Âu: số hiệu TA-B2/0005328, số vào sổ cấp chứng chỉ: 2016/815/QĐ - ĐHV/23 và hoàn thành khóa Bồi dưỡng nâng cao năng lực Ngoại ngữ dành cho giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh theo đề án Ngoại ngữ 2020: chứng chỉ GCN/2018 - 13/QĐ347 - 13.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đình Linh		HVCH	x		2012 - 2014	Học viện chính trị KV I	2014/A119805 , số vào sổ cấp bằng Q90
2	Dương Thị Băng Nhung		HVCH	x		2015 -2016	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2016/K23 - 236 - KTPT; No 000636

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3	Nguyễn Thị Lý		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/420/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 89 (V); No 00001676
4	Trần Thị Hoa		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/463/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 132 (V); No 00001719
5	Lưu Đức Quang		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/372/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 41 (V); No 00001628
6	Đặng Thị Thùy Linh		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/418/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 87 (V); No 00001674
7	Ninh Hữu Hải		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/342/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 11 (V); No 00001598
8	Hà Ngọc Phú		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Vinh	2017/427/ThS, QĐ1919/CH23 (Đ2) KTCT - 96 (V); No 00001683
9	Phạm Anh Hùng		HVCH	x		2017 - 2018	Trường Đại học Nha	2018/A202289 số vào sổ cấp

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

							Trang	bảng 18804
10	Nguyễn Văn Sáng		HVCH	x		2016 - 2017	Trường Đại học Nha Trang	2018/A191712 số vào sổ cấp bằng 18614
11	Lê Đình Dũng		HVCH	x		2017 - 2018	Trường Đại học Vinh	2018/ThS/2018 - 0675, QĐ-663, K24KTCT -V; No 00002904
12	Nguyễn Đình Mạnh		HVCH	x		2017 - 2018	Trường Đại học Vinh	2018/ThS/2018 - 0702, QĐ-690, K24KTCT -V; No 00002931
13	Nguyễn Thị Vân		HVCH	x		2017 - 2018	Trường Đại học Vinh	2018/ThS/2018 - 0725, QĐ-713, K24KTCT -V; No 00002954
14	Nguyễn Đoàn Thanh Tùng		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Vinh	ThS/2019 – 885, QĐ-2361 – 875, QLKT-VL; No 00004279
15	Đào Thị Ánh Tuyết		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Vinh	ThS/2019 – 886, QĐ-2361 – 876, QLKT-VL; No 00004280
16	Nguyễn Tử Dương		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Vinh	ThS/2019 – 949, QĐ-2642– 63, QLKT-V;

								No 00004343
17	Phan Trần Tuấn Anh		HVCH	x		2018 - 2019	Trường Đại học Vinh	ThS/2019 – 275, QĐ-2361–265, KTCT-V; No 00003669
18	Trần Thị Thanh Thủy	NCS			x	2016 - 2019	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	QĐ số 1764/QĐ-HVKHXH ngày 16/06/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ							
1	<i>Xây dựng mô hình Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp trong nông nghiệp nông thôn Nghệ An</i>	TK	Nhà xuất bản Thống kê và năm xuất bản 2009	02		Chương 1 (mục III từ trang 78 - 106); Chương 2 (Tr 130 - 146); Chương 3 (Tr 155 - 182)	Trường Đại học Vinh (số 529/ĐHV – TV, ngày 22 tháng 06 năm 2020)
II. Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ							
2	<i>Chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt</i>	TK	Nxb Chính trị Quốc gia và năm	04	x		Trường Đại học Vinh (số 528/ĐHV –

	<i>bằng và tái định dự trong thu hồi đất ở Nghệ An</i>		xuất bản 2018				TV, ngày 22 tháng 06 năm 2020)
3	<i>Phát triển các sản phẩm hàng hóa đặc trưng phục vụ du lịch: Lý luận và thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình</i>	TK	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội và năm xuất bản 2020	06	x		Trường Đại học Vinh (số 530/ĐHV – TV, ngày 22 tháng 06 năm 2020)
4	<i>Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam (góc độ vận dụng các lý thuyết kinh tế học hiện đại)</i>	TK	Nxb Đại học Vinh và năm xuất bản 2019	17			Trường Đại học Vinh (số 531/ĐHV – TV, ngày 26 tháng 06 năm 2020)
5	<i>Giáo trình Kinh tế phát triển nâng cao (SDH)</i>	GT	Nxb Đại học Vinh và năm xuất bản 2020	05		Chương 1 (từ trang 11 – 64); Chương 3 (từ trang 91 -160); Chương 4 (từ trang 161 – 186); Chương 6 (từ trang 233 – 257)	Trường Đại học Vinh (số 532/ĐHV – TV, ngày 26 tháng 06 năm 2020)

6	<i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô nâng cao (SDH)</i>	GT	Nxb Đại học Vinh và năm xuất bản 2020	04	Chương 4 (từ trang 145 – 175)	Trường Đại học Vinh (số 533/ĐHV – TV, ngày 26 tháng 06 năm 2020)
---	--	----	---------------------------------------	----	-------------------------------	--

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
1	Xây dựng mô hình Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp trong nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An	TK	Đề tài cấp tỉnh/UBND tỉnh Nghệ An	2007 - 2008	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài ngày 08-12-2008/ Loại Khá
2	Phát triển các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An	CN	B2007-27-57, cấp Bộ	2008 - 2010	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ ngày 11- 08- 2010/ Loại Khá
3	Nghiên cứu giải pháp đảm bảo an sinh xã hội cho nông dân bị thu hồi đất trong quá	CN	Đề tài cấp tỉnh/UBND tỉnh Nghệ An	thực hiện 18 tháng từ tháng 6/2010 đến	Biên bản thanh lý hợp đồng đề tài KH&CN ngày 28/12/2011 của Sở

	trình công nghiệp hóa, đô thị hóa trên địa bàn Nghệ An			tháng 12/2011	KH và CN Nghệ An / Loại Khá
II. Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
4	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Nghệ An	CN	T2013 – 31/ Đề tài cấp trường/Trường Đại học Vinh	01/01/2013 đến 10/12/2013	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 10- 12-2013/ Loại Khá
5	Đánh giá chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với một số dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Nghệ An	CN	Đề tài cấp tỉnh/UBND tỉnh Nghệ An	thực hiện 18 tháng từ tháng 12/2012 đến tháng 07/2014	Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh ngày 12/06/2014; Biên bản thanh lý hợp đồng đề tài KH&CN số 1568/TL - SKHCN ngày 15/12/2014 của Sở KH và CN Nghệ An/ Loại Khá
6	Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình kinh tế góp phần giảm nghèo theo hướng bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An	TG	Mã số T2015- 08-01; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Thời gian thực hiện từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016	Biên bản thanh lý hợp đồng số 920/TL-SKHCN ngày 14/12/2016. Loại Khá

7	Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị thích hợp cho sản phẩm chè Nghệ An nhằm tăng giá trị cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.	TG	Mã số T2015-08-05; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Thời gian thực hiện từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 2 năm 2017	Biên bản thanh lý hợp đồng số 941/TL-SKHCN ngày 03/10/2017. Loại Khá
---	--	----	--	---	--

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
I. Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ								
1	Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An	01	x	<i>Tạp chí Kinh tế và phát triển</i>			Số 131 (tháng 05/2008), Tr40-43	2008
2	Vai trò của dịch vụ phát triển kinh doanh – Chìa khóa giúp	01	x	<i>Tạp chí Kiểm toán</i>			Số 5 (90) (tháng 05/2008), Tr37-40	2008

	doanh nghiệp nhỏ và vừa Nghệ An phát triển							
3	Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Nghệ An	01	x	<i>Tạp chí Kinh tế & phát triển</i>			Số 150 (tháng 12/2009), Tr 64 - 68	2009
4	Phát triển liên kết giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An	01	x	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển</i>			Số 158 (II), tháng 8/2010, Tr 101 - 106	2010
5	Thu hút đầu tư ở Nghệ An: Thực trạng và giải pháp	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển</i>			Số chuyên san (tháng 2/2011), Tr 26 - 32	2011
6	Đánh giá khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức tín dụng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Nghệ An	02	x	<i>Tạp chí Phát triển kinh tế</i>			Số 245, tháng 3/2011, Tr 19 - 25	2011
7	Đánh giá khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại	02	x	<i>Tạp chí Khoa học và phát triển</i>			Tập 9, số 3/2011, Tr 503 - 511	2011

	Nghệ An						
8	Đánh giá tác động của chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng đến đời sống và việc làm của người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế & phát triển</i>			174 (II), tháng 12/2011, Tr 48 - 53 2011
9	Sustainable Development of Vietnam's Agriculture in the International Economic Integratinon	01	x	<i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Technology for Sustainable Development" do Rajamangala University of Technology Tawan-ok tổ chức tại Cholchan Pattaya Resort, Chonburi, Thailand</i>			2011, Tr 246 - 255 2011
10	Phát triển các doanh nghiệp sản xuất và chế	02	x	<i>Tạp chí Lý luận chính trị & truyền</i>			Số tháng 5/2012, Tr 69 - 71 2012

	biển nông sản ở Nghệ An hiện nay			thông				
11	Doanh nghiệp sản xuất và chế biến nông sản Việt Nam trong hội nhập quốc tế	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương</i>			Số 366, tháng 6/2012, Tr 39 - 42	2012
12	Đặc điểm của công nghiệp chế biến nông sản và chuỗi giá trị đối với ngành hàng nông sản	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương</i>			Số 367, tháng 6/2012, Tr 20 - 23	2012
II. Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ								
13	Đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	01	x	<i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Cùng doanh nghiệp vượt qua thử thách - Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (ICECH 2013)/ ISBN:9786049115127</i>			Tháng 9/2013 Tr 109-116	2013

14	Green technology application for sustainable economic development in Vietnam	02	x	<i>Kỷ yếu Hội nghị quốc tế "Công nghệ xanh trong tương lai sự sống" do Đại học Hoang gia Thái Lan tổ chức tại Cholchan Pattaya Resort, Chonburi, Thailand</i>			Ngày 29-31/5/2013	2013
15	Lao động nông thôn di cư ra thành thị - Thực trạng và khuyến nghị	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế & phát triển</i>			số 193, tháng 7/2013, Tr 58 - 65	2013
16	Thực trạng phát triển doanh nghiệp ở Nghệ An và vấn đề cung cấp dịch vụ công	01	x	<i>Tạp chí Kinh tế & Dự báo</i>			Số 19, tháng 10/2013, Tr 51 - 53	2013
17	Xóa đói giảm nghèo bền vững ở Việt Nam và gợi ý chính sách	01	x	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			Số 12 (427) tháng 12/2013, Tr 13 - 18	2013
18	Opportunities and Challenges	01	x	<i>Humanities and Sciences</i>			Vol.7 No. 3 September -	2014

	of Vietnam Seafood Exports			(ISSN 1906 - 0181), Rajabhat Maha Sarakham University Journal, Thailand			December 2014, Tr 261 - 266	
19	The Impact of Demographical Factors on Investment Decision: A Study of Vietnam Stock Market	02	x	<i>International Journal of Economics and Finance/ ISSN 1916- 971X E-ISSN 1916-9728</i>			Published by Canadian Center of Science and Education, Vol. 6, No. 11, Tr 83 - 89	2014
20	Giảm nghèo trên địa bàn các huyện miền Tây Nghệ An: Thực trạng và giải pháp	01	x	<i>Tạp chí Quản lý kinh tế</i>			số 63 (10+11+12/2 014), Tr 65 - 71	2014
21	Opportunities and challenges from Asean economic community to Vietnam	01	x	<i>The 4th International Conference on Sciences and Social Sciences 2014: Integrated Creative Research for</i>			9/2014, Tr 261 - 266	2014

				<i>Local Development toward the ASEAN Economic Community (ICSSS 2014)</i>				
22	Nghiên cứu cơ hội đầu tư, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại rừng bản, xã Hưng Hòa, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	04	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương</i>			Kỳ 4, tháng 4/2015, Tr 56 - 58	2015
23	Việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và tác động của nó đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Nghệ An	01	x	<i>Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Vinh)</i>			Tập 44, 3B, 2015, Tr 44 - 55	2015
24	Impact Assessment of Conversion of Land Use Structure to Viet Nam Agricultural and Rural	01	x	<i>Business & Economic Policy</i>			Vol. 3 No 1 March 2016, ISSN 2375-0766 (Print), 2375-0774 (Online), Tr 98 - 103	2016

	Development							
25	Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sinh viên tại Trường Đại học Vinh	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương</i>			Kỳ 1, tháng 5/2016, Tr 10 - 12	2016
26	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	01	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương</i>			Số 480, tháng 10/2016, Tr 54 - 56	2016
27	Nghiên cứu các nguồn lực cải thiện sinh kế cho ngư dân ven biển Bắc Trung Bộ	01	x	<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			Số 1 (464), tháng 1 năm 2017, Tr 67 - 76	2017
28	Developing Tea Market through Analyzing the Value Chain of Vietnam Tea Industry	03	x	<i>PSAKU International Journal of Interdisciplinary Research</i>			Vol. 7 No. 2 (July-December 2018), Tr 189 - 195	2018
29	Một số giải pháp phát triển bền vững ngành nông nghiệp tỉnh Nghệ An	04	x	<i>Tạp chí Tài chính</i>			Kỳ I - tháng 9/2018 (688), Tr 118 - 120	2018
30	Phát triển du lịch cộng đồng	03	x	<i>Tạp chí Kinh tế Châu Á</i>			số 529 - tháng	2018

	tại miền Tây tỉnh Nghệ An			<i>Thái Bình Dương</i>			11/2018, Tr 53 - 55	
31	Giải pháp phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình theo hướng bền vững	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i>			Số 17 tháng 06/2019 (699), Tr 99 - 101	2019
32	Phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển tỉnh Nghệ An	02	x	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia (Cơ sở lý luận và thực trạng chính sách phát triển bền vững dải ven biển Bắc Trung bộ)/ Nxb Lao động - xã hội (ISBN: 978- 604-65-4630-6)			Tháng 12/2019, Tr151-171	2019
33	The impact of environmental pollution on aquaculture development: The case of Vietnam	03	x	<i>Management Science Letters/ ISSN 1923-9343 (Online) - ISSN 1923- 9335 (Print)</i>	Scopus (IF= 0,76: /Q2)		<i>Vol 10 Issue 8, Pg 1873– 1880. DOI: 10.5267/j.ms 1.2019.12.03 2,</i>	2020
34	The Impact of Human Resource Management on	05	x	<i>International Journal of Innovation, Creativity and</i>	Scopus (IF:0.4 2 /Q2)		<i>Vol 12 Issue 10, Pg 26 – 37.</i>	2020

	the Financial Performance of Listed Firms in Vietnam			Change/(Print)) ISSN 2201-1315 (Online) ISSN 2201-1323 www.ijicc.net				
35	Factors Affecting Community-Based Tourism Development and Environmental Protection: Practical Study in Vietnam	03	x	<i>Journal of Environmental Protection/</i> ISSN Online: 2152-2219 ISSN Print: 2152-2197.	Impact Factor: 1.22		Vol 11, Pg 124-151. https://doi.org/10.4236/jep.2020.112009 . https://www.scirp.org/journal/jep	2020
36	The impact of manager's emotional intelligence on performance: The case of Vietnam	05	x	<i>Management Science Letters/</i> 1923-9343 (Online) ISSN 1923-9335 (Print)	Scopus (IF= 0,76: -/Q2)		<i>Vol 10 Issue 10</i> , Pg 2201–2210. DOI:10.5267/j.ms.1.2020.3.016	2020
37	Impact of corporate social responsibility toward employees on business performance: The case of Vietnam	04	x	<i>Uncertain Supply Chain Management/</i> ISSN 2291-6830 (Online) - ISSN 2291-6822 (Print)	Scopus (IF:1.02 /Q2)		Vol 8 (2020) 589–598	2020

38	Environmental and External Costs of Yali Hydropower Plant and Policy recommendation s in Vietnam	10		<i>Journal of Environmental Protection/</i> ISSN Online: 2152-2219 ISSN Print: 2152-2197	Impact Factor: 1.22		Vol 11, Pg 344-358. https://doi.org/10.4236/jep.2020.114020 . https://www.scirp.org/journal/jep	2020
39	The impact of innovation on economic growth: the spillover effect of foreign direct investment	05		<i>Humanities & Social Sciences Reviews/</i> eISSN: 2395-6518	Scopus (IF: 0.66 /Q1)		Vol 8, No 2, Pg 708-714, https://doi.org/10.18510/hssr.2020.8279 .	2020
40	Impacts of corporate social responsibility toward employees on employee motivation in enterprises: A case study in Vietnam	04	x	<i>Management Science Letters/</i> ISSN 1923-9343 (Online) - ISSN 1923-9335 (Print)	Scopus (IF= 0,76: /Q2)		<i>Vol 10 Issue 11, Pg 2543–2552. DOI: 10.5267/j.msl.2020.3.041</i>	2020
41	Liên kết du lịch các tỉnh Bắc Trung Bộ: Thực trạng và giải pháp	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương</i>			Số tháng 2/2020, Tr 95 – 97.	2020

42	Cân bằng cán cân thanh toán (Balance of Payment - BOP): các yếu tố ảnh hưởng cơ bản	04		<i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>			Số 3 (502), tháng 3 năm 2020, Tr 21 - 27.	2020
43	Đẩy mạnh phát triển hàng hóa phục vụ du lịch tại Quảng Bình	02	x	<i>Tạp chí Kinh tế và Dự báo</i>			Số 07 tháng 03/2020 (725), Tr88 – 90.	2020
44	Vietnamese Agriculture before and after Opening Economy	09	x	<i>Modern Economy/</i> ISSN Online: 2152-7261 ISSN Print: 2152-7245	Impact Factor: 0.67		Vol 11, Pg 894-907. https://doi.org/10.4236/me.2020.114067 (https://www.scirp.org/journal/me	2020
45	A Study on the Poverty of Mountain People Depending on Forests	06	x	<i>Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB)/</i> Print ISSN: 2288-4637 Online ISSN: 2288-4645	(ESCI, Scopus/ IF: 0.73/Q3).		Vol 7 Issue 7,	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

(1). **Thi Minh Phuong Nguyen***, Duc Tai Do and Thi Phuong Thuy Nguyen (2020), The impact of environmental pollution on aquaculture development: The case of Vietnam, *Management Science Letters Vol 10 Issue 8*, Pg 1873–1880. DOI: 10.5267/j.msl.2019.12.032 (Scopus Q2) ISSN 1923-9343 (Online) - ISSN 1923-9335 (Print) **Impact Factor: 0.76**

(2). **Thi Minh Phuong Nguyen***, Van Toi Dinh, Duc Tai Do, Thi Hoang Mai Tran, Thi Hanh Duyen Nguyen (2020), The Impact of Human Resource Management on the Financial Performance of Listed Firms in Vietnam, *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, Vol 12 Issue 10, Pg 26 – 37. (Print) ISSN 2201-1315 (Online) ISSN 2201-1323 www.ijicc.net (Scopus Q2) **Impact Factor: 0.42**

(3). **Nguyen Thi Minh Phuong**, Nguyen Van Song*, Tran Quang Bach and Pham Thi Huyen Sang (2020), Impacts of corporate social responsibility toward employees on employee motivation in enterprises: A case study in Vietnam, *Management Science Letters*, Vol 10 Issue 11, Pg 2543–2552. DOI: 10.5267/j.msl.2020.3.041 (Scopus Q2) ISSN 1923-9343 (Online) - ISSN 1923-9335 (Print) **Impact Factor: 0.76**

(4). **Thi Minh Phuong Nguyen***, Quang Bach Tran, Duc Tai Do, Thi Hoang Mai Tran and Quang Tai Dang (2020), The impact of manager's emotional intelligence on performance: The case of Vietnam, *Management Science Letters*, Vol 10 Issue 10, Pg 2201–2210. DOI: 10.5267/j.msl.2020.3.016 (Scopus Q2) ISSN 1923-9343 (Online) - ISSN 1923-9335 (Print) **Impact Factor: 0.76**

(5). Nguyen Tran Thai Ha*, Sobar M. Johari, Trinh Thi Huyen Thuong, **Nguyen Thi Minh Phuong**, Le Thi Hong Anh (2020), The impact of innovation on economic growth: the spillover effect of foreign direct investment, *Humanities & Social Sciences Reviews*, Vol 8, No 2, Pg 708-714, eISSN: 2395-6518, <https://doi.org/10.18510/hssr.2020.8279>. (Scopus Q1) **Impact Factor: 0.66**

(6). **Thi Minh Phuong Nguyen**, Quang Bach Tran, Duc Tai Do* and Dieu Linh Tran, Impact of corporate social responsibility toward employees on business performance: The case of Vietnam, *Uncertain Supply Chain Management*, Vol 8 (2020), Pg 589–598 (Scopus Q2) ISSN 2291-6830 (Online) - ISSN 2291-6822 (Print) **Impact Factor: 1.02**

(7). **Phuong Thi Minh Nguyen***, Song Van Nguyen, Duc Tai Do, Quynh Thi Thuy Nguyen, Thanh Trung Dinh, Hang Phan Thu Nguyen (2020), A Study on the Poverty of Mountain People Depending on Forests, *Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB)*, Vol 7 Issue 7, Print ISSN: 2288-4637 Online ISSN: 2288-4645 (ESCI, Scopus/Q3). **Impact Factor: 0.73**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích : Chưa có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Chưa có

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Chưa có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

(1) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư) theo tiếp cận CDIO (2016);

(2) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận CDIO (2016);

(3) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán theo tiếp cận CDIO (2016);

(4) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Tài chính ngân hàng theo tiếp cận CDIO (2016);

(5) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế) bậc thạc sỹ (2013 – 2017).

(6) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế) bậc Tiến sỹ (2017).

(7) Tham gia tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận CDIO (2018);

(8) Tham gia tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán theo tiếp cận CDIO (2019);

(9) Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt giải Nhất cấp Trường, đề tài "*Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ công tại trường Đại học Vinh*" năm 2016.

(10) Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt giải Ba cấp Trường, đề tài "*Phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại các huyện miền Tây tỉnh Nghệ An*", năm 2018.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

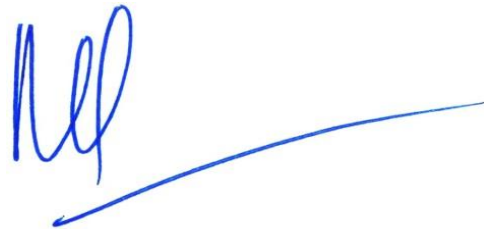
(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Nguyễn Thị Minh Phượng